

Số: 217 /TB-HĐTDVC

Châu Pha, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Kết quả điểm thi vấn đáp vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026
tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội**

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 4122/QĐ-SYT ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 17/KH-TTBT&CTXH ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội về tuyển dụng viên chức Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-TTBT&CTXH ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-TTBT&CTXH ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội năm 2026;

Căn cứ Kết quả kiểm tra, sát hạch, Hội đồng tuyển dụng viên chức tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội thông báo kết quả điểm thi vấn đáp vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026, cụ thể như sau:

1. Kết quả điểm thi vấn đáp vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026 tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội: bao gồm 161 thí sinh (Danh sách kèm theo).

2. Kết quả điểm thi vấn đáp được đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Trung tâm tại địa chỉ <https://trungtambtctxh.vn/> và niêm yết tại bảng thông tin nội bộ Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội (Cơ sở 1, 2, 3).

Trên đây là Thông báo kết quả điểm thi vấn đáp vòng 2, kỳ tuyển dụng viên chức năm 2026 tại Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội, Hội đồng tuyển dụng thông báo đến toàn thể các thí sinh được biết.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- Ban Giám đốc TT;
- Ban Giám sát;
- Các phòng CMNV;
- Bộ phận CNTT đăng tải Website TT;
- Bảng thông tin TT (niêm yết);
- Lưu: VT, HĐTDVC.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Hồng Chín
**(Giám đốc Trung tâm Bảo trợ và
Công tác xã hội)**

**DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA, SÁT HẠCH VẤN ĐÁP VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NĂM 2026 TẠI TRUNG TÂM BẢO TRỢ VÀ CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Đính kèm theo Thông báo số MT/TB-HĐTDVC ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2026)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
I	Vị trí dự tuyển: Chuyên viên về Hành chính văn phòng - Chỉ tiêu tuyển dụng: 02														
1	CVHC-01	Lê Văn Điều	01/01/1979	Nam	Chuyên viên về Hành chính văn phòng	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Kinh tế luật; Quản trị kinh doanh	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
2	CVHC-02	Trần Nguyễn Ngọc Linh	26/09/2003	Nữ	Chuyên viên về Hành chính văn phòng	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Quản lý công	Không	31	51,5	82,5	0	82,5	
3	CVHC-03	Nguyễn Thị Ánh Mai	10/01/1990	Nữ	Chuyên viên về Hành chính văn phòng	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Luật; Kế toán	Không	30	54,5	84,5	0	84,5	
4	CVHC-04	Phan Thành Ngọc Phước	12/12/1998	Nam	Chuyên viên về Hành chính văn phòng	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Quản trị văn phòng	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
5	CVHC-05	Nguyễn Thị Mai Thảo	05/01/2001	Nữ	Chuyên viên về Hành chính văn phòng	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Quản lý nhà nước	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
II	Vị trí dự tuyển: Chuyên viên Quản trị công sở - Chỉ tiêu tuyển dụng: 01														
1	CVQT-02	Trần Bùi Long Vũ	14/03/2001	Nam	Chuyên viên Quản trị công sở	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Kinh doanh quốc tế	Không	30,5	57	87,5	0	87,5	
2	CVQT-01	Nguyễn Ánh Ngọc	19/01/2004	Nữ	Chuyên viên Quản trị công sở	Hành chính - Tổng hợp	Đại học	Quản lý công	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
III	Vị trí dự tuyển: Công nghệ thông tin hạng IV - Chỉ tiêu tuyển dụng: 01														

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
1	CNTT.IV-01	Trần Thiện Phương Tài	14/06/2000	Nam	Công nghệ thông tin hạng IV	Hành chính - Tổng hợp	Trung cấp	Công nghệ thông tin	Không	29	52	81	0	81	
IV Vị trí dự tuyển: Công tác xã hội viên - Chỉ tiêu tuyển dụng: 06															
1	CTXHV-01	Nguyễn Minh Cao	05/05/1979	Nam	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Con thương binh	16	24,5	40,5	5	45,5	
2	CTXHV-02	Nguyễn Thanh Hà	14/10/1999	Nam	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội; Luật	Không	12	45	57	0	57	
3	CTXHV-03	Trần Phạm Hồng Hiếu	29/01/1990	Nam	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	30,5	50	80,5	0	80,5	
4	CTXHV-04	Trần Văn Hoàng	30/04/1981	Nam	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Nông nghiệp	Con thương binh	22	57	79	5	84	
5	CTXHV-05	Lê Thị Diễm Hương	11/04/1996	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	20,5	49	69,5	0	69,5	
6	CTXHV-06	Nguyễn Thị Trúc Ngân	12/06/1984	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	34,5	57	91,5	0	91,5	
7	CTXHV-07	Bùi Nguyễn Huỳnh Như	06/12/1990	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	14,5	26	40,5	0	40,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
8	CTXHV-08	Phan Thị Oanh	26/08/1991	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	30,5	44,5	75	0	75	
9	CTXHV-09	Bùi Thị Kim Oanh	15/12/1987	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
10	CTXHV-10	Lê Thị Thuý	12/02/1989	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công tác xã hội	Con bệnh binh hạng 2	24	35	59	5	64	
11	CTXHV-11	Trần Thị Thanh Thuý	29/03/1994	Nữ	Công tác xã hội viên	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Công nghệ May, Trung cấp Công tác xã hội	Không	33,5	55	88,5	0	88,5	

V Vị trí dự tuyển: Giáo viên mầm non hạng III - Chỉ tiêu tuyển dụng: 02

1	GVMN.III-01	Nguyễn Thị Trâm Anh	30/04/1996	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Đại học	Sư phạm mầm non	Không	5	30	35	0	35	
2	GVMN.III-02	Hoàng Thị Đào	10/05/1993	Nữ	Giáo viên mầm non hạng III	Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng	Cao đẳng	Sư phạm Giáo dục mầm non	Không	36	53	89	0	89	

VI Vị trí dự tuyển: Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III - Chỉ tiêu tuyển dụng: 39

A Phòng Chăm sóc Khẩn cấp và Dài hạn - Chỉ tiêu tuyển dụng: 33

1	NVCS.III-01	Nguyễn Văn Bí	16/12/1981	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	29	55	84	0	84	
---	-------------	---------------	------------	-----	---	------------------------------	---------	-----------------	-------	----	----	----	---	----	--

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
2	NVCS.III-02	Trần Quang Chính	07/02/1970	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Thạc sỹ	Quản lý xây dựng, Đại học Quản trị kinh doanh	Quân nhân xuất ngũ	31	56	87	2,5	89,5	
3	NVCS.III-03	Hàn Thị Chung	02/05/1982	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	20,5	43,5	64	0	64	
4	NVCS.III-04	Nguyễn Huy Độ	18/07/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Quản trị Kinh doanh, Sơ cấp Công tác xã hội	Không	30,5	56,5	87	0	87	
5	NVCS.III-05	Đỗ Đình Đông	15/04/1989	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	30,5	51,5	82	0	82	
6	NVCS.III-06	Cao Thị Kiều Giang	29/04/1989	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Không	29,5	55	84,5	0	84,5	
7	NVCS.III-07	Trần Thị Hương Giang	13/04/1977	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Kinh tế	Không	29,5	55	84,5	0	84,5	
8	NVCS.III-08	Lê Thị Hằng	12/03/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Điều dưỡng	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
9	NVCS.III-09	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/02/1982	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	25,5	48,5	74	0	74	
10	NVCS.III-10	Đỗ Đình Hiếu	17/04/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Sỹ quan dự bị	29	55	84	5	89	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
11	NVCS.III-11	Trần Trung Hiếu	31/03/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
12	NVCS.III-12	Lê Thanh Hoàng	02/02/1982	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Xã hội học	Không	29	55	84	0	84	
13	NVCS.III-13	Đinh Thị Ngọc Huệ	24/09/1979	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật, Trung cấp Y học cổ truyền	Không	28	54	82	0	82	
14	NVCS.III-14	Nguyễn Thị Huy	19/12/1989	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Xã hội học	Không	29,5	54,5	84	0	84	
15	NVCS.III-15	Trần Thị Hương	11/05/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Nông nghiệp	Con thương binh 4/4	24	57	81	5	86	
16	NVCS.III-16	Lê Thị Hương	15/09/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
17	NVCS.III-17	Lê Khương	29/12/1979	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Xã hội học	Không	31,5	55	86,5	0	86,5	
18	NVCS.III-18	Nguyễn Phương Lam	30/12/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	30	50	80	0	80	
19	NVCS.III-19	Lê Thị Thanh Lan	19/02/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Quản trị kinh doanh	Không	28,5	55	83,5	0	83,5	
20	NVCS.III-20	Nguyễn Thị Ngọc Lan	21/10/1980	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Ngôn Ngữ Anh	Không	20,5	40	60,5	0	60,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
21	NVCS.III-21	Châu Thành Lên	22/01/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Thạc sỹ	Kỹ thuật Xây dựng	Không	31,5	60	91,5	0	91,5	
22	NVCS.III-22	Lê Thị Mai Linh	18/02/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Kế toán	Không	29,5	52,5	82	0	82	
23	NVCS.III-23	Trương Vũ Linh	21/11/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	23,5	35	58,5	0	58,5	
24	NVCS.III-24	Nguyễn Văn Lợi	20/04/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	19	39,5	58,5	0	58,5	
25	NVCS.III-25	Phan Xuân Nguyên	10/03/1980	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Ngữ văn; Luật	Không	18,5	28	46,5	0	46,5	
26	NVCS.III-26	Ngô Thành Nhân	26/03/1974	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội; Luật	Không	27,5	60	87,5	0	87,5	
27	NVCS.III-27	Trần Đức Nhuận	12/01/2000	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Kỹ thuật môi trường	Không	15,5	60	75,5	0	75,5	
28	NVCS.III-28	Phan Hoàng Nhựt	01/08/1988	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Không	27	50	77	0	77	
29	NVCS.III-29	Lưu Trường Phát	04/06/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Sư phạm Hóa học, Sơ cấp Công tác xã hội	Không	28,5	58	86,5	0	86,5	
30	NVCS.III-30	Phạm Thế Phong	13/11/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	15	25	40	0	40	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
31	NVCS.III-31	Nguyễn Thành Phúc	23/06/1985	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	CAND xuất ngũ	30,5	25	55,5	2,5	58	
32	NVCS.III-32	Thái Thị Phụng	18/12/1997	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Quản lý nhà nước	Không	31	20	51	0	51	
33	NVCS.III-33	Phạm Hồng Quân	02/08/1977	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Không	34,5	51	85,5	0	85,5	
34	NVCS.III-34	Trần Thị Kim Quyên	09/01/1986	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	17	29,5	46,5	0	46,5	
35	NVCS.III-35	Lê Văn Sơn	30/06/1988	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật, Trung cấp Công tác xã hội	Công an xuất ngũ	34	55	89	2,5	91,5	
36	NVCS.III-36	Nguyễn Ngọc Sơn	23/03/1982	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Xã hội học	Không	33	51	84	0	84	
37	NVCS.III-37	Trần Văn Tầm	25/10/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Điện công nghiệp	Không	32,5	58	90,5	0	90,5	
38	NVCS.III-38	Nguyễn Thị Tiên	11/11/1999	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Sư phạm Hóa học	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
39	NVCS.III-39	Nguyễn Ngọc Tú	22/10/1979	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Tham gia nghĩa vụ công an	30	10	40	2,5	42,5	
40	NVCS.III-40	Võ Quốc Tuấn	22/07/1981	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật; Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh	Không	33	54,5	87,5	0	87,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
41	NVCS.III-41	Lê Công Thành	06/05/1981	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật, Sơ cấp Công tác xã hội	Bộ đội phục viên	34	58,5	92,5	5	97,5	
42	NVCS.III-42	Phạm Kim Thành	01/02/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Luật	Sỹ quan dự bị; Con thương binh	36	54,5	90,5	5	95,5	
43	NVCS.III-43	Trần Thị Thắm	08/04/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Tiếng Anh; Sơ cấp Công tác xã hội	Không	18,75	24	42,75	0	42,75	
44	NVCS.III-44	Trần Thị Thanh Thuý	21/05/1980	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Giáo dục mầm non, Sơ cấp Công tác xã hội	Không	34	40	74	0	74	
45	NVCS.III-45	Nguyễn Thị Vân	03/10/1984	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Công tác xã hội	Không	33	30	63	0	63	
B	Phòng Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm - Chỉ tiêu tuyển dụng: 06														
1	NVCS.III-46	Nguyễn Hữu Cường	13/10/1977	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Công tác xã hội	Con thương binh	24,5	43,5	68	5	73	
2	NVCS.III-47	Nguyễn Thành Lượng	01/02/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Luật	Không	29	54,5	83,5	0	83,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
3	NVCS.III-48	Dương Thị Phương Nga	02/05/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Sinh học	Không	24,5	35	59,5	0	59,5	
4	NVCS.III-49	Trần Thị Bảo Ngọc	03/10/1986	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Quản lý thị trường bất động sản	Không	31,5	55,5	87	0	87	
5	NVCS.III-50	Dương Thị Hồng Phúc	28/05/1984	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Luật	Không	33	53,5	86,5	0	86,5	
6	NVCS.III-51	Trịnh Như Quỳnh	22/11/1979	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Công tác xã hội	Con thương binh	31,5	53	84,5	5	89,5	
7	NVCS.III-52	Bùi Thị Sen	10/11/1984	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Xã hội học	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
8	NVCS.III-53	Nguyễn Thị Minh Toán	12/01/1989	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Luật	Không	21	30	51	0	51	
9	NVCS.III-54	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	06/08/1997	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Kế toán	Không	11,5	17	28,5	0	28,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
10	NVCS.III-55	Dương Ngọc Anh Thu	25/03/2002	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Công nghệ sinh học, Trung cấp Công tác xã hội	Không	20,5	35	55,5	0	55,5	
11	NVCS.III-56	Lê Thị Quỳnh Trâm	15/10/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Kế toán	Không	30,5	53	83,5	0	83,5	
12	NVCS.III-57	Nguyễn Thành Trung	12/05/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng III	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Đại học	Luật	Không	30,5	55	85,5	0	85,5	

VII Vị trí dự tuyển: Nhân viên chăm sóc trực tiếp hạng IV - Chỉ tiêu tuyển dụng: 13

1	NVCS.IV-01	Hoàng Đức Bình	23/01/2000	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Công nghệ ô tô	Không	20	51	71	0	71	
2	NVCS.IV-02	Hoàng Văn Bình	16/03/1985	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Điều dưỡng	Không	32	54,5	86,5	0	86,5	
3	NVCS.IV-03	Lê Thị Cúc	16/02/1988	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Kế toán	Không	30,5	53	83,5	0	83,5	
4	NVCS.IV-04	Nguyễn Văn Chí	23/01/2002	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Kỹ thuật cơ khí	Không	31,5	55,5	87	0	87	
5	NVCS.IV-05	Phạm Viết Định	05/09/1987	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Tài chính ngân hàng	Không	32	54,5	86,5	0	86,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
6	NVCS.IV-06	Trần Thu Hồng Hạnh	14/09/2003	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Logistic	Không	5	4,5	9,5	0	9,5	
7	NVCS.IV-07	Nguyễn Thị Mạnh	18/10/1993	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Điều dưỡng	Không	30	52,5	82,5	0	82,5	
8	NVCS.IV-08	Lê Thị Trà My	22/03/1998	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh	Không	29	54,5	83,5	0	83,5	
9	NVCS.IV-09	Nguyễn Quang Năm	03/09/1998	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Ngôn ngữ Nhật	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
10	NVCS.IV-10	Nguyễn Thị Hồng Phụng	02/07/1980	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh	Không	34	55,5	89,5	0	89,5	
11	NVCS.IV-11	Trần Ngọc Thành	08/09/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Điện công nghiệp, Trung cấp Công tác xã hội	Không	32	54	86	0	86	
12	NVCS.IV-12	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	30/03/1978	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Đại học	Giáo dục mầm non	Không	25	40,5	65,5	0	65,5	
13	NVCS.IV-13	Mã Thị Thanh Thu	25/07/1993	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Sư phạm Mầm non	Không	34	52,5	86,5	0	86,5	
14	NVCS.IV-14	Đào Thị Trang	24/12/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh	Không	0	40	40	0	40	
15	NVCS.IV-15	Hồ Thị Ngọc Uyên	01/01/1979	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Kế toán, Trung cấp Công tác xã hội	Không	29,5	52,5	82	0	82	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
16	NVCS.IV-16	Phạm Thị Yến	10/08/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng IV	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Cao đẳng	Công tác xã hội	Không	33	57,5	90,5	0	90,5	

VIII Vị trí dự tuyển: Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V - Chỉ tiêu tuyển dụng: 81

A Phòng Chăm sóc Khẩn cấp và Dài hạn - Chỉ tiêu tuyển dụng: 61															
1	NVCS.V-01	Hoàng Thị Ngọc Anh	21/11/1997	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội; Y sỹ đa khoa	Không	34	52,5	86,5	0	86,5	
2	NVCS.V-02	Đặng Quốc Bảo	04/03/1984	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Bộ đội xuất ngũ	32,5	57,5	90	2,5	92,5	
3	NVCS.V-03	Trần Thị Bé	15/05/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	37	48	85	0	85	
4	NVCS.V-04	Đỗ Thị Cường	18/08/1983	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	30,5	25	55,5	0	55,5	
5	NVCS.V-05	Vũ Văn Châu	01/10/1985	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33,5	50	83,5	0	83,5	
6	NVCS.V-06	Trần Văn Dũng	20/10/1973	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	34	50,5	84,5	0	84,5	
7	NVCS.V-07	Nguyễn Nhất Duy	10/05/1984	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33,5	58,5	92	0	92	
8	NVCS.V-08	Ngô Thị Duyên	20/08/1994	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội, Sư phạm mầm non	Không	32,5	40	72,5	0	72,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
9	NVCS.V-09	Lương Văn Đây	31/05/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội; Kế toán	Bộ đội xuất ngũ	35	58,5	93,5	2,5	96	
10	NVCS.V-10	Nguyễn Công Điền	18/07/1979	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Con thương binh	34,5	58	92,5	5	97,5	
11	NVCS.V-11	Nguyễn Thị Hiền	10/04/1989	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	35	53,5	88,5	0	88,5	
12	NVCS.V-12	Phạm Công Hiếu	03/08/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33,5	57,5	91	0	91	
13	NVCS.V-13	Trần Thị Hoài	10/10/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội; Kế toán	Không	30,5	5	35,5	0	35,5	
14	NVCS.V-14	Nguyễn Thị Kim Hoàng	02/05/1981	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Máy thời trang	Không	33,5	56,5	90	0	90	
15	NVCS.V-15	Trần Thị Sông Hồng	19/01/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Tài chính Ngân hàng, Sơ cấp Công tác xã hội	Con thương binh	30,5	56,5	87	5	92	
16	NVCS.V-16	Phạm Thị Minh Hợi	24/10/1983	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	34,5	55,5	90	0	90	
17	NVCS.V-17	Tổng Thị Huế	03/10/1978	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	30	58	88	0	88	
18	NVCS.V-18	Nguyễn Văn Hùng	07/04/1982	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	34,5	52	86,5	0	86,5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
19	NVCS.V-19	Nguyễn Thị Thanh Huyền	29/05/1982	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	16	30	46	0	46	
20	NVCS.V-20	Tổng Thị Huyền	14/10/1989	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	14	27	41	0	41	
21	NVCS.V-21	Huỳnh Công Khánh	05/10/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	29	50	79	0	79	
22	NVCS.V-22	Đinh Thị Ngọc Lan	26/08/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Quản lý đất đai	Không	10	31,5	41,5	0	41,5	
23	NVCS.V-23	Võ Trọng Lý	05/05/1988	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	34,5	54,5	89	0	89	
24	NVCS.V-24	Phạm Thị My	07/08/1986	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Kế toán	Không	0	0	0	0	0	Vắng thi
25	NVCS.V-25	Nguyễn Thị Ngát	17/01/1985	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	28	57	85	0	85	
26	NVCS.V-26	Phạm Thị Ngọt	24/07/1982	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Kế toán	Không	28,5	50	78,5	0	78,5	
27	NVCS.V-27	Lê Thị Thuỳ Nhi	15/11/1993	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Dược, Sơ cấp Công tác xã hội	Không	30	57	87	0	87	
28	NVCS.V-28	Vũ Thị Oanh	25/01/1983	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33,5	55	88,5	0	88,5	
29	NVCS.V-29	Nguyễn Xuân Phúc	20/05/1982	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Bộ đội xuất ngũ	31,5	58	89,5	2,5	92	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
30	NVCS.V-30	Tổng Minh Phương	09/09/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công nghệ thông tin	Không	28	58	86	0	86	
31	NVCS.V-31	Trần Anh Phương	26/03/1976	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	30	55	85	0	85	
32	NVCS.V-32	Nguyễn Anh Quân	08/07/2003	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Điện Công nghiệp, Sơ cấp Công tác xã hội	Bộ đội xuất ngũ	31	60	91	2,5	93,5	
33	NVCS.V-33	Trần Đình Sơn	08/03/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Bộ đội xuất ngũ	14	45	59	2,5	61,5	
34	NVCS.V-34	Nguyễn Văn Sung	13/02/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội, Cao đẳng quân sự cơ sở, Trung cấp Công nghệ thông tin	Sỹ quan dự bị	33,5	57	90,5	5	95,5	
35	NVCS.V-35	Dương Thị Thảo Sương	10/06/1985	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội, Sơ cấp kỹ thuật chế biến món ăn	Không	28,5	58	86,5	0	86,5	
36	NVCS.V-36	Lê Thanh Tâm	01/07/1986	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	CAND xuất ngũ	30	60	90	2,5	92,5	
37	NVCS.V-37	Lê Duy Tiến	14/06/1970	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	17,5	24,5	42	0	42	
38	NVCS.V-38	Nguyễn Hoàng Tuấn	30/12/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	23,5	56,5	80	0	80	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
39	NVCS.V-39	Nguyễn Thanh Tuấn	04/12/1988	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	22,5	55	77,5	0	77,5	
40	NVCS.V-40	Đậu Viết Tuấn	21/01/2003	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	22,5	53,5	76	0	76	
41	NVCS.V-41	Ngô Duy Tùng	15/05/1978	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	22,5	54	76,5	0	76,5	
42	NVCS.V-42	Nguyễn Văn Tuyên	12/11/1981	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Bộ đội xuất ngũ	27,5	55	82,5	2,5	85	
43	NVCS.V-43	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/12/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	23,5	55	78,5	0	78,5	
44	NVCS.V-44	Nguyễn Thị Thân	28/07/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	25	55	80	0	80	
45	NVCS.V-45	Võ Thị Thuần	18/10/1988	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	22	48,5	70,5	0	70,5	
46	NVCS.V-46	Trương Thị Mỹ Thuận	24/12/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	26	47	73	0	73	
47	NVCS.V-47	Ngô Thị Lệ Thuý	13/11/1981	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	28,5	55,5	84	0	84	
48	NVCS.V-48	Trương Thị Bích Thuý	06/10/1979	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	27	49	76	0	76	
49	NVCS.V-49	Trần Thị Thuý	07/04/1988	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	23,5	23,5	47	0	47	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
50	NVCS.V-50	Trần Thị Thương	02/10/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	32	50	82	0	82	
51	NVCS.V-51	Trần Thị Thu Vân	13/02/1990	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	23,5	55	78,5	0	78,5	
52	NVCS.V-52	Đặng Thị Thanh Vân	27/01/1981	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	22	50	72	0	72	
53	NVCS.V-53	Nguyễn Thị Vinh	17/07/1984	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	28	58	86	0	86	
54	NVCS.V-54	Đào Mẫn Xuyên	28/10/1983	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Chăm sóc khẩn cấp và Dài hạn	Trung cấp	Kỹ thuật nông nghiệp; Cảnh sát nhân dân	Công an xuất ngũ	26,5	54	80,5	2,5	83	
B Phòng Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm - Chỉ tiêu tuyển dụng: 20															
1	NVCS.V-55	Nguyễn Thị Thuý An	06/01/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	28	52	80	0	80	
2	NVCS.V-56	Đinh Thị Hồng Chiên	12/06/1985	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	29	54	83	0	83	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
3	NVCS.V-57	Nguyễn Thị Hà	20/06/1987	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Kỹ thuật chế biến món ăn âu á, sơ cấp Công tác xã hội	Con thương binh hạng 4/4	27,5	55,5	83	5	88	
4	NVCS.V-58	Nguyễn Khánh Linh	03/09/1995	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Tham gia CAND	29	40,5	69,5	2,5	72	
5	NVCS.V-59	Lê Thị Thanh Loan	12/09/1978	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	27,5	48	75,5	0	75,5	
6	NVCS.V-60	Phan Thị Luyến	02/09/1993	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33,5	53,5	87	0	87	
7	NVCS.V-61	Võ Bảo Ngọc	20/10/1990	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	31	53,5	84,5	0	84,5	
8	NVCS.V-62	Phạm Thị Hồng Phương	16/08/1985	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	33	57	90	0	90	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí đăng ký dự tuyển	Phòng dự tuyển	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm môn Kiến thức chung (1)	Điểm Môn kiến thức chuyên môn (2)	Điểm tổng (1)+(2)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm kết quả kiểm tra, sát hạch	Ghi chú
9	NVCS.V-63	Lê Văn Tài	10/02/1990	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Kỹ thuật chế biến món ăn	Quân nhân dự bị/ Con thương binh 4/4	30	54	84	5	89	
10	NVCS.V-64	Nguyễn Văn Tâm	22/04/1993	Nam	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Kỹ thuật Chế biến món ăn, Trung cấp Cơ khí ô tô, Sơ cấp Công tác xã hội	Không	30,5	54	84,5	0	84,5	
11	NVCS.V-65	Trần Thị Hà Tuyên	25/03/1986	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	31,5	55,5	87	0	87	
12	NVCS.V-66	Trần Thị Thuận	16/12/1992	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Công tác xã hội	Không	29,5	53	82,5	0	82,5	
13	NVCS.V-67	Ngô Thị Hải Yến	06/08/1985	Nữ	Nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng hạng V	Quản lý dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm	Trung cấp	Kế toán	Không	30	52,5	82,5	0	82,5	

Danh sách gồm 161 thí sinh./.